

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam; Quy định hiện hành;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022 số___/BB-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2022 của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch năm 2022, Báo cáo của Ban Kiểm soát như các Tài liệu kèm theo.

Điều 2. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu như sau:

1. Doanh thu hợp nhất	:	10.000 tỷ VNĐ
2. Tổng lợi nhuận hợp nhất trước thuế	:	610 tỷ VNĐ
3. Tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế	:	488 tỷ VNĐ
4. Tỷ lệ chia cổ tức	:	7% vốn điều lệ
5. Kế hoạch đầu tư	:	490 tỷ VNĐ

Ủy quyền cho HĐQT xem xét, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2022 phù hợp với tình hình thực tế trong năm, báo cáo ĐHĐCĐ kết quả thực hiện và công bố thông tin theo quy định.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Điều 4. Thông qua Tờ trình số /TTr-PTSC-HĐQT ngày 28/4/2022 về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch tài chính năm 2022 bao gồm các nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

<i>Tổng lợi nhuận được phân phối:</i>	<i>728.951 triệu VNĐ</i>
a. Chia cổ tức bằng tiền (8% Vốn điều lệ):	382.373 triệu VNĐ
b. Quỹ đầu tư phát triển:	125.000 triệu VNĐ
c. Quỹ khen thưởng - phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành:	187.400 triệu VNĐ
d. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển qua năm 2022:	34.178 triệu VNĐ

2. Kế hoạch tài chính năm 2022:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022		So sánh với TH năm 2021
		Tỷ lệ	Giá trị (Tr.VNĐ)	
1	Vốn điều lệ			
	+ Vốn điều lệ đầu năm		4.779.663	100,00%
	+ Vốn điều lệ cuối năm		4.779.663	100,00%
	+ Vốn điều lệ bình quân năm		4.779.663	100,00%
2	Doanh thu:			
	+ Doanh thu hợp nhất		10.000.000	67,98%
	+ Doanh thu Công ty mẹ		3.800.000	58,00%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN:			
	+ Lợi nhuận trước thuế hợp nhất		610.000	69,51%
	+ Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ		460.000	54,67%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN:			
	+ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất		488.000	72,05%
	+ Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		410.000	60,65%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ			
	+ Tỷ suất lợi nhuận hợp nhất sau thuế /Vốn điều lệ bình quân	10,21%		72,05%
	+ Tỷ suất lợi nhuận Công ty mẹ sau thuế /Vốn điều lệ bình quân	8,58%		60,65%
6	Lợi nhuận năm trước chuyển sang		34.178	64,53%
7	Lợi nhuận Công ty mẹ được phân phối:		444.178	60,93%
	+ Cổ tức bằng tiền	7,00%	334.576	87,50%
	+ Quỹ khen thưởng - phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành		109.602	58,49%
	+ Quỹ đầu tư phát triển		-	-

(Chi tiết như Tờ trình số /TTr-PTSC-HĐQT ngày 28/4/2022).

Điều 5. Thông qua Danh sách các Công ty kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng công ty trong Danh sách các Công ty kiểm toán theo Tờ trình số /TTr-PTSC-BKS ngày 28/4/2022 của Ban Kiểm soát, đảm bảo đúng Quy định hiện hành.

Điều 6. Thông qua mức thù lao và chi phí hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên năm 2022 theo Tờ trình số /TTr-PTSC-HĐQT ngày 28/4/2022, cụ thể như nêu sau đây.

1. Quỹ tiền lương, thù lao, phụ cấp của HĐQT, Kiểm soát viên năm 2022:

- a) Quỹ tiền lương, phụ cấp của HĐQT là **5.314.000.000 VNĐ**, tương ứng với số lượng thành viên HĐQT là 05 người.
- b) Quỹ tiền lương của Ban Kiểm soát chuyên trách là **2.175.000.000 VNĐ**, tương ứng với số lượng Kiểm soát viên là 03 người.
- c) Đối với thành viên HĐQT không chuyên trách (kiêm nhiệm), mức thù lao là **10.000.000 VNĐ/tháng**.

2. Chi phí hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2022: Chi phí công vụ (gồm, chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ/phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Tổng công ty phù hợp với Quy định hiện hành

Điều 7. Thông qua kết quả bầu Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty, chi tiết như nêu sau đây.

STT	Họ và tên	Chức vụ trúng cử
1		

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc thủ tục với các Bên liên quan, các nội dung tại Nghị quyết này có thể được ban hành riêng rẽ thành các Nghị quyết khác nhau và không trái với nội dung đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, phê duyệt.

2. Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- ĐHĐCĐ;
- UBCKNN, SGDCKHN, VSD;
- Các Ban, Đơn vị Tổng công ty;
- www.ptsc.com.vn;
- Lưu: VT, BTK.

Phan Thanh Tùng

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị số ____/BC-PTSC-HĐQT ngày 28/4/2022;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch năm 2022 số ____/PTSC-KHĐT ngày 28/4/2022;
- Báo cáo của Ban Kiểm soát số ____/BC-PTSC-BKS ngày 28/4/2022;
- Tờ trình số ____/TTr-PTSC-HĐQT ngày 28/4/2022 về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán;
- Tờ trình số ____/TTr-PTSC-HĐQT ngày 28/4/2022 về việc Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch tài chính năm 2022;
- Tờ trình số ____/TTr-PTSC-HĐQT ngày 28/4/2022 về việc Thông qua lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;

- Tờ trình số ____/TTr-PTSC-HĐQT ngày 28/4/2022 về việc Thù lao và chi phí hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022;
- Tờ trình số ____/TTr-PTSC-HĐQT ngày 28/4/2022 về việc Giới thiệu ứng viên bầu Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty.